**TUAÀN: 08**

**TIẾT: 22-23**

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD- ĐT TỈNH SÓC TRĂNG  **TRƯỜNG THPT VĂN NGỌC CHÍNH**  ĐỀ CHÍNH THỨC | **KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I - NĂM HỌC (2023-2024)**  **Môn: Ngữ văn – Khối 10**  *Thời gian làm bài 90 phút (không kể phát đề)* |

**I. MỤC TIÊU KIỂM TRA**:

- Đánh giá mức độ nhận thức của học sinh đối với hai chủ đề sau thời gian học 08 tuần học.

- Kiểm tra kĩ năng đọc- hiểu đoạn trích, nhận diện những đặc điểm thể loại Thần thoại và Sử thi.

- Kiểm tra- đánh giá năng lực viết bài văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội: trình bày rõ quan điểm của mình, hệ thống luận điểm, lí lẽ được tổ chức mạch lạc, chặt chẽ, các bằng chứng có sức thuyết phục.

- Rèn luyện kỹ năng làm bài kiểm tra theo định hướng phát triển năng lực của học sinh.

**II**. **HÌNH THỨC KIỂM TRA**:

- Hình thức: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận. (Đọc + Viết).

- Cách thức kiểm tra: GV cho HS làm bài kiểm tra tự luận tại lớp trong thời gian 90 phút.

**III. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết**  (Số câu) | | **Thông hiểu**  (Số câu) | | **Vận dụng**  (Số câu) | | **Vận dụng cao**  (Số câu) | |
| TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL |
| **1** | **Đọc** | Thần thoại. | **4** | **0** | **3** | **1** | **0** | **1** | **0** | **1** | **60** |
| Sử thi |
| **2** | **Viết** | Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội. | **0** | **1\*** | **0** | **1\*** | **0** | **1\*** | **0** | **1** | **40** |
| **Tỉ lệ điểm từng loại câu hỏi** | | | ***20%*** | ***10%*** | ***15%*** | ***25%*** | ***0*** | ***20%*** | ***0*** | ***10%*** | **100** |
| **Tỉ lệ điểm các mức độ nhận thức** | | | **30%** | | **40%** | | **20%** | | **10%** | |
| **Tổng % điểm** | | | **70%** | | | | **30%** | | | |

**IV.** **BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA**:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1.** | **Đọc hiểu** | Thần thoại | - **Nhận biết** được phương thức biểu đạt chính, thể loại,biện pháp tu từ, người kể chuyện,  - **Thông hiểu**: hiểu được chi tiết trong văn bản, nghĩa từ ngữ, nội dung văn bản.  - **Vận dụng**: Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra; Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với tình cảm, quan niệm, cách nghĩ của bản thân trước một vấn đề đặt ra trong đời sống hoặc văn học.  -**Vận dụng cao** : Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản; Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của thông điệp, chi tiết, hình tượng, những đặc sắc về nghệ thuật trong tác phẩm | 4 TN | 3TN  1TL | 1 TL | 1TL |
|  |  |  | **- Nhận biết:** được đặc điểm của không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, ngôi kể, lời người kể truyện, bối cảnh văn hóa xã hội trong sử thi.  **- Thông hiểu:** Tóm tắt được cốt truyện, Hiểu vàphân tích được nhân vật trong sử thi; lí giải được vị trí, vai trò, ý nghĩa của nhân vật trong tác phẩm.; Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề; Lí giải được tác dụng của việc chọn nhân vật người kể chuyện  **- Vận dụng:** Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra; Nêu được ý nghĩa của tác phẩm  **- Vận dụng cao:** Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản; Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của thông điệp, chi tiết, hình tượng, những đặc sắc về nghệ thuật trong tác phẩm | 4 TN | 3TN  1TL | 1 TL | 1TL |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội | **- Nhận biết:** Biết viết bài văn nghị luận xã hội về vấn đề trong cuộc sống có đủ 3 phần  - **Thông hiểu**:  Nêu được những lí lẽ, dẫn chứng để vấn đề được thuyết phục.  **Vận dụng :**  Viết được bài văn đúng nội dung, diễn đạt khá tốt, đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ ý kiến.  **- Vận dụng cao:**  Viết được bài văn trình bày ý kiến về một vấn đề trong cuộc sống. Nêu được vấn đề và suy nghĩ, đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ ý kiến. |  |  |  | 1 |
| **Tổng** | | |  | **4** | **4** | **1** | **2TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***30*** | ***35*** | ***20*** | ***15*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **65** | | **35** | |

**V. BIÊN SOẠN ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD- ĐT TỈNH SÓC TRĂNG  **TRƯỜNG THPT VĂN NGỌC CHÍNH**  ĐỀ CHÍNH THỨC. | **KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2023-2024**  **Môn: Văn – Khối 10**  *Thời gian làm bài 90 phút (không kể phát đề)* |

**Phần I: Đọc – hiểu (6.0 đ)**

Đọc văn bản sau:

**NỮ THẦN MẶT TRỜI VÀ MẶT TRĂNG**

*Nữ thần Mặt Trời và Mặt Trăng là hai chị em, con của Trời. Công việc của Trời giao phó hàng ngày phải thay phiên nhau đi xem xét thế gian. Bọn khiêng kiệu gồm có hai lớp già và trẻ thay phiên nhau. Gặp phải bọn khiêng kiệu già đi chậm, cô Mặt Trời phải ngồi lâu, ngày ở dưới trần hóa dài ra. Đến lượt bọn trẻ khiêng kiệu đi mau, cô Mặt Trời được chóng công việc về sớm thì ngày ngắn lại. Cô em Mặt Trăng tính tình nóng nảy không kém gì cô chị làm cho thiên hạ ở mặt đất suốt cả ngày đã phải chịu nóng bức vì cô chị, đến đêm lại cũng phải khó chịu vì cô em. Loài người than thở đến tai nhà Trời, bà mẹ mới lấy tro trát vào mặt cô Mặt Trăng. Từ đó, cô em đổi tính ra hết sức dịu dàng, khác hẳn với cô chị, nên được người dưới trần ai cũng thích. Mỗi khi cô ngoảnh mặt nhìn xuống trần là lúc đó trăng rằm, ngoảnh lưng lại là ba mươi, ngoảnh sang phải, sang trái là trăng thượng huyền hay hạ huyền. Hôm nào trăng quầng là lúc vết tro trát mặt hiện ra. Người ta nghe nói rằng chồng của hai nữ thần Mặt Trời và Mặt Trăng là một con gấu. Mỗi lần gấu đến với vợ là sinh ra nguyệt thực hay nhật thực. Gặp những ngày này, nhân gian lại phải đánh chiêng, đánh trống ầm ĩ để cho gấu sợ mà lui ra mau. Vì gấu làm như vậy thì có hại cho mùa màng và các nữ thần này cũng vì vậy mà xao nhãng công việc.*

(*Nữ thần Mặt Trời và Mặt Trăng* – Truyện thần thoại Việt Nam – TheGioiCoTich.Vn)

**Chọn câu trả lời đúng nhất (mỗi câu 0,50 điểm)**

**Câu 1.** Trong văn bản, **Nữ thần Mặt Trời và Mặt Trăng** được Trời giao công việc gì?

A. Chiếu sáng cho nhân gian.

B. Hàng ngày thay phiên nhau đi xem xét thế gian.

C. Cai quản công việc trên trời.

D. Khiêng kiệu

**Câu 2.** Câu nào dưới đây đúng khi nói về nội dung bao quát của truyện **Nữ thần Mặt Trời và Mặt Trăng**?

A. Lý giải về hiện tượng ngày và đêm

B. Lý giải về hiện tượng nắng và mưa

C. Lí giải các hiện tượng tự nhiên gắn với mặt trời có ánh sáng gay gắt vào ban ngày và mặt trăng có ánh sáng dịu dàng vào ban đêm

D. Lý giải về sự hình thành của trời và đất

**Câu 3.** Sự kiện “*Loài người than thở đến tai nhà Trời, bà mẹ mới lấy tro trát vào mặt cô Mặt Trăng*” được tác giả dân gian tạo ra nhằm lý giải điều gì?

A. Hiện tượng mặt trăng hiện lên khi đêm xuống

B. Hiện tượng mặt trăng có ánh sáng dịu nhẹ

C. Hiện tượng ngày ngắn đêm dài 3

D. Hiện tượng ngày dài đêm ngắn

**Câu 4.** Theo bạn :“*cô Mặt Trời phải ngồi lâu, ngày ở dưới trần hóa dài ra... cô Mặt Trời được chóng công việc về sớm thì ngày ngắn lại*.” giúp bạn liên tưởng đến câu tục ngữ nào dưới đây :

A. *Chớp đông nhay nháy, gà gáy thì mưa*

B. *Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng, ngày tháng mười chưa cười đã tối*

C. *Cơn đằng đông vừa trông vừa chạy, cơn đằng nam vừa làm vừa chơi*

D. *Mây xanh thì nắng, mây trắng thì mưa*

**Câu 5.** Biện pháp tu từ nào được dùng chủ yếu trong văn bản trên ?

A. Nhân hóa

B. Liệt kê

C. So sánh

D. Phóng đại

**Câu 6.** Trong văn bản trên, ai là người kể chuyện ?

A. Ông Trời

B. Mặt Trời

C. Mặt Trăng

D. Người trực tiếp diễn xướng để kể lại cho công chúng

**Câu 7.** Khi nguyệt thực, nhật thực xảy ra con người làm ầm ĩ lên đánh trống, khua chiêng, gõ mõ, để Mặt Trời Mặt Trăng khỏi bị che lấp làm hại mùa màng, liên quan hoạt động nào trong đời sống cộng đồng thời cổ đại ?

A. Lễ hội

B. Liên hoan

C. Cầu nguyện thần linh

D. Thờ cúng

**Câu 8**. Những dấu hiệu nào giúp bạn nhận ra ***Nữ thần Mặt Trời và Mặt Trăng*** là một truyện thần thoại?

**Câu 9.** Hình tượng nữ thần Mặt Trời và Mặt Trăng phản ánh quan niệm, nhận thức gì của người xưa về thế giới tự nhiên?

**Câu 10.** Thông điệp mà người xưa gửi gắm qua câu chuyện này là gì?

**Phần II: Làm văn (4.0 đ)**

Hiện nay còn có nhiều người sống không có mục đích và lý tưởng sống. Hãy viết bài văn nghị luận nêu ý kiến của anh/chị về vấn đề này.

*tt*---- Hết ----

*Thí sinh không sử dụng bất cứ tài liệu nào.*

**VI. HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,00** |
|  | **1** | B | 0,50 |
| **2** | C | 0,50 |
| **3** | B | 0,50 |
| **4** | B | 0,50 |
| **5** | A | 0,50 |
| **6** | D | 0,50 |
| **7** | C | 0,50 |
| **8** | **\* Những dấu hiệu giúp nhận biết truyện Nữ thần Mặt Trời và Mặt Trăng là một truyện thần thoại:**  - Cốt truyện là chuỗi sự kiện xoay quanh quá trình sáng tạo thế giới (các hiện tượng liên quan đến mặt trời và mặt trăng).  - Nhân vật chính kể về các vị thần.  - Thời gian không xác định.  - Không gian vũ trụ, không xác định nơi chốn cụ thể.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời tương đương như đáp án* ***hoặc*** *đảm bảo từ 3 ý trở lên: 0,5 điểm.*  *- Học sinh trả lời đảm bảo được một nửa số ý: 0,25 điểm.*  *- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm.* | 0,50 |
| **9** | **\* Hình tượng nữ thần Mặt Trời và Mặt Trăng phản ánh quan niệm, nhận thức của người xưa về thế giới tự nhiên là:**  - Thế giới tự nhiên là một thế lực siêu nhiên chi phối thế giới và cuộc sống của con người.  - Khát vọng chinh phục thế giới tự nhiên của người xưa.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm.*  *- Học sinh trả lời đúng 1 ý: 0,5 điểm.*  *- Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 điểm.*  *- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm.*  ***\* Lưu ý:*** *Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được.* | 1,00 |
| **10** | **\* Thông điệp mà người xưa gửi gắm qua câu chuyện này là:**  - Thiên nhiên và cuộc sống con người có mối quan hệ gắn bó mật thiết.  - Thiên nhiên có ảnh hưởng rất lớn đối với cuộc sống của con người.  - Con người luôn có khát vọng chinh phục thiên nhiên.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm.*  *- Học sinh trả lời đúng 1 ý: 0,5 điểm.*  *- Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 điểm.*  *- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm.*  ***\* Lưu ý:*** *Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được.* | 1,00 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,00** |
|  | **a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận:**Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề | 0,50 |
|  | **b. Xác định đúng yêu cầu của đề bài**  Tác hại của việc lãng phí thời gian. |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  HV có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, nêu rõ lí do và quan điểm của bản thân, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng thuyết phục.  Sau đây là một hướng gợi ý:  **\* Mở bài:** Dẫn dắt và giới thiệu vấn đề cần bàn luận (vai trò của *“Khát vọng”*).  **\* Thân bài:**  ***- Giải thích:*** “*Khát vọng*” và vai trò của *“Khát vọng”* đối với mỗi người.  ***- Phân tích, bàn luận, chứng minh:*** con người có cần hay không cần sống có *“Khát vọng”* và có lí giải hợp lí; có ví dụ minh hoạ.  ***- Phản đề:***  - Phê phán một số người không có khát vọng trong cuộc sống ...  ***- Bài học:***  - Liên hệ bản thân và rút ra bài học về nhận thức và hành động.  **\* Kết bài:** Khẳng định lại vấn đề đã bàn luận.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Phân tích đầy đủ, sâu sắc, dẫn chứng phù hợp, thuyết phục: 2,0 điểm.*  *- Phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu: 1,0 điểm – 1,75 điểm.*  *- Phân tích chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 0,75 điểm.* | 3,00 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,50 |
|  | *đ. Sáng* tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. |

**\* Xem và kiểm tra lại cả Nội dung và Hình thức.**